

Số: /QĐ-ĐHBK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐTĐHBK ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-ĐHBK ngày 19/6/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định Quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo xét tốt nghiệp năm 2026 đợt 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho 421 sinh viên đại học (đính kèm danh sách tốt nghiệp).

Điều 2. Các Ông/bà Trưởng Phòng Đào tạo, các Khoa quản lý sinh viên, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thiên Phúc

Thống kê tốt nghiệp khóa 2021 và các khóa khác (tính đến ngày 06/03/2026)

TT	Khoa/Trung tâm	Khóa 2018		Khóa 2019			Khóa 2020			Khóa 2021				Khóa 2022			Tổng
		Khá	TB Khá	Giỏi	Khá	TB Khá	Giỏi	Khá	TB Khá	Xuất Sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất Sắc	Giỏi	Khá	
1	Cơ khí	-	-	-	-	-	-	14	8	1	7	22	2	-	-	-	54
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Liên thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	1	-	1	-	-	2	2	1	-	-	-	7
	Bằng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	KT Địa chất - Dầu khí	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	7	-	-	-	-	8
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Điện - Điện tử	-	-	-	1	-	-	7	11	-	5	47	10	-	-	-	81
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CT Tiên tiến	-	-	-	-	1	-	-	3	1	1	13	8	-	-	-	27
	Bằng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1
4	KT Giao thông	-	-	-	-	-	-	2	1	-	3	5	-	-	-	-	11
	Bằng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	7	-	-	-	-	10
5	KT Hóa học	-	-	-	-	-	-	-	1	-	2	4	1	-	-	1	9
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	2	4	-	1	8	1	-	-	2	18
6	Môi trường & TN	-	-	-	-	-	-	2	1	-	2	4	1	-	-	-	10
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	4	1	-	-	-	6
7	Khoa học & KTMT	-	-	-	-	-	-	6	3	-	7	5	1	1	2	1	26
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	1	-	1	7	-	2	14	1	-	1	1	28
	Bằng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1
8	Quản lý Công nghiệp	-	-	-	-	-	-	2	-	-	2	1	-	-	1	-	6
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	2	-	-	2	2	-	-	-	2	8
9	Khoa học ứng dụng	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	4	1	-	-	-	7
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	2
10	Công nghệ vật liệu	-	-	-	1	-	-	-	4	-	1	9	3	-	-	-	18
11	KT Xây dựng	-	1	-	-	-	-	8	8	-	8	31	4	-	-	-	60
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	1	1	-	2	4	2	-	-	2	12
	Bằng 2	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1
12	KSCLC Việt Pháp	-	-	1	2	1	-	5	-	-	1	-	-	-	-	-	10
Cộng		0	1	1	4	4	0	57	55	2	50	194	37	1	4	11	421

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TỐT NGHIỆP và CẤP BẰNG NĂM 2026 - ĐỢT 1

(Đính kèm QĐ số /QĐ-ĐHBK- ngày / / 2026)

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
Chương trình Đào tạo Chất lượng cao												
1	2052831	Trần Nguyễn Phú An	27/11/2002	CC20HKG2	Tp. Hồ Chí Minh	6,49	TB Khá	7520120	CC	ielts 6.5	Kỹ thuật Hàng không	
2	2153153	Đặng Thành Anh	18/06/2001	CN21KHM1	Bình Định	3,00	Khá	7480101	CN	CN cc N3	Khoa học Máy tính	
3	2153152	Dương Quốc Anh	08/09/2003	CC21CK12	Tp. Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520103	CC	ielts 6.5	Kỹ thuật Cơ khí	
4	2153165	Nguyễn Ngọc Vân Anh	25/11/2003	CC21QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7510601	CC	IELTS 6.5	Quản lý Công nghiệp	
5	2010867	Nguyễn Thị Lan Anh	12/04/2001	CC22QCV1	Vĩnh Long	2,90	Khá	7510601	CC	ielts 6.0	Quản lý Công nghiệp	
6	2153174	Trần Thị Vân Anh	22/03/2003	CC21HLY	An Giang	2,70	Khá	7520301	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
7	2110764	Vương Quốc Anh	10/02/2003	CC21KTM1	Bình Định	2,80	Khá	7480106	CC	IELTS 7.0	Kỹ thuật Máy tính	
8	2052394	Đoàn Nguyễn Gia Bảo	07/10/2002	CC21HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7540101	CC	ielts 6.0	Công nghệ Thực phẩm	
9	2052396	Lê Minh Gia Bảo	13/10/2002	CC21KTM1	Kiên Giang	2,30	Trung bình	7480106	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
10	2153207	Ngô Chí Bảo	31/12/2003	CC21KCQ2	Tp. Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7580101	CC	ielts 6.0	Kiến trúc	
11	2152439	Phan Lý Phú Bình	18/09/2003	CC21HVC	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520301	CC	IELTS 6.5	Kỹ thuật Hóa học	
12	2052887	Phạm Đức Cảnh	17/12/2002	CC21KHM2	Nam Định	2,60	Khá	7480101	CC	IELTS 6.5	Khoa học Máy tính	
13	2012731	Nguyễn Khải Chiến	16/09/2002	CC22KTX1	Ninh Thuận	2,80	Khá	7580201	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Xây dựng	
14	2152456	Võ Tấn Cường	05/03/2003	CC21KTM1	Đồng Nai	2,70	Khá	7480106	CC	IELTS 7.5	Kỹ thuật Máy tính	
15	2052903	Đặng Thành Danh	17/01/2002	CC22QKD1	Long An	2,90	Khá	7510601	CC	ielts 6.0	Quản lý Công nghiệp	
16	2152459	Lương Trần Công Danh	24/01/2003	CC21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	3,30	Khá	7480101	CC	IELTS 7.0	Khoa học Máy tính	
17	2152500	Phan Quang Đạo	06/09/2003	CC21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7480101	CC	IELTS 6.5	Khoa học Máy tính	
18	2153302	Dương Hồng Đức	27/12/2003	CC21KMT2	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520320	CC	ielts 7.0	Kỹ thuật Môi trường	
19	2152524	Lưu Vĩnh Đức	28/08/2003	CC21KCQ2	Tp. Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7580101	CC	ielts 7.5	Kiến trúc	
20	2152489	Vũ Minh Dũng	20/12/2003	CC21COD1	Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7520114	CC	IELTS 7.0	Kỹ thuật Cơ điện tử	
21	2153272	Trần Nghị Dương	18/04/2003	CC21HKG1	Tp. Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520120	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Hàng không	
22	2052913	Lê Mai Quang Duy	24/11/2002	CC20KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	6,81	TB Khá	7480101	CC	ielts 6	Khoa học Máy tính	
23	2152535	Trần Xuân Đức Giang	05/06/2003	CC21KTX2	Tp. Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7580201	CC	ielts 6	Kỹ thuật Xây dựng	
24	2252197	Đoàn Huỳnh Ngọc Hân	26/09/2004	CC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520301	CC	ielts 6.5	Kỹ thuật Hóa học	
25	2052981	Trần Lê Thanh Hằng	11/08/2002	CC20HTP2	Tp. Hồ Chí Minh	6,87	TB Khá	7540101	CC	ielts 6.5	Công nghệ Thực phẩm	
26	2152547	Phan Bình Hạo	14/05/2003	CC21KHM2	Tp. Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	CC	ielts 7.0	Khoa học Máy tính	
27	2052985	Nguyễn Hà Thanh Hậu	09/02/2002	CC20KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	6,76	TB Khá	7480106	CC	ielts 6.5	Kỹ thuật Máy tính	
28	2052987	Đinh Duy Hiếu	29/05/2002	CC21KTX1	Bình Định	3,20	Giỏi	7580201	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Xây dựng	
29	2053010	Lê Hoàng	08/04/2002	CC20HC12	Tp. Hồ Chí Minh	6,93	TB Khá	7520301	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
30	2153360	Mai Minh Hoàng	13/12/2003	CC21CK11	Thanh Hóa	2,20	Trung bình	7520103	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Cơ khí	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
31	1952743	Đặng Duy Hưng	04/06/2001	CC21KTX1	Ninh Thuận	2,30	Trung bình	7580201	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Xây dựng	
32	2053076	Nguyễn Quốc Hưng	10/02/2002	CC21KTX1	Long An	2,90	Khá	7580201	CC	ielts 6	Kỹ thuật Xây dựng	
33	2153418	Nguyễn Thị Cẩm Hương	17/01/2003	CC21HVC	Bà Rịa-Vũng Tàu	2,20	Trung bình	7520301	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
34	2153372	Bùi Hoàng Quang Huy	12/05/2003	CN21KHM1	Quảng Trị	3,00	Khá	7480101	CN	chung chỉ N3	Khoa học Máy tính	
35	2053031	Đặng Quốc Huy	30/06/2002	CC20KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	6,77	TB Khá	7480101	CC	ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
36	2152584	Lê Huy	17/01/2003	CC21KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480106	CC	IELTS 7.5	Kỹ thuật Máy tính	
37	1952719	Nguyễn Châu Mạnh Huy	04/10/2001	CC20KTX1	Đồng Nai	7,17	Khá	7580201	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Xây dựng	
38	2153385	Nguyễn Quang Huy	22/08/2003	CC21ROB2	Tp. Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520114	CC	ielts 7.0	Kỹ thuật Cơ điện tử	
39	2152597	Nguyễn Vĩnh Huy	21/11/2003	CC21KHM1	Lâm Đồng	3,20	Giỏi	7480101	CC	IELTS 6.5	Khoa học Máy tính	
40	2053086	Trần Đỗ Khang Hy	18/10/2002	CC21KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7580201	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Xây dựng	
41	2053106	Đỗ Quang Khanh	15/12/2002	CC20KTM2	Tp. Hồ Chí Minh	6,54	TB Khá	7480106	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
42	2152656	Nguyễn Tiến Khánh	17/02/2003	CN21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	CN	chung chỉ N3	Khoa học Máy tính	
43	2053133	Mạch Vũ Anh Khoa	11/10/2002	CC22KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7580201	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Xây dựng	
44	2252381	Phùng Gia Minh Khôi	06/06/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	CC	ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
45	2152696	Trương Hoàng Anh Khôi	23/09/2003	CC21KCQ2	Tp. Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7580101	CC	ielts 6.5	Kiến trúc	
46	2152702	Đặng Trung Kiên	15/10/2003	CC21KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480106	CC	IELTS 7.0	Kỹ thuật Máy tính	
47	2053160	Nguyễn Thân Kiên	04/04/2002	CC21KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7520320	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Môi trường	
48	2053175	Nguyễn Thị Mai Lan	28/04/2002	CC21HC11	Tp. Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
49	2153524	Nguyễn Thuý Linh	12/09/2003	CC21KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520320	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Môi trường	
50	1952842	Huỳnh Nguyễn Nhật Minh	30/12/2001	CC20HC11	Tp. Hồ Chí Minh	7,09	Khá	7520301	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
51	2153575	Nguyễn Hữu Nhật Minh	16/12/2002	CN21KHM1	Gia Lai	2,90	Khá	7480101	CN	chung chỉ N3	Khoa học Máy tính	
52	2153603	Phạm Thành Nam	04/02/2003	CC21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7480101	CC	IELTS 6.0	Khoa học Máy tính	
53	2152800	Trang Vĩnh Nghị	22/12/2003	CC21HKG1	Ninh Thuận	3,00	Khá	7520120	CC	IELTS 7.5	Kỹ thuật Hàng không	
54	2053270	Huỳnh Phan Ngọc	03/09/2002	CC20HKG1	Tp. Hồ Chí Minh	6,28	TB Khá	7520120	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Hàng không	
55	2153632	Nguyễn Văn Nguyên	22/01/2003	CN21CKT1	Quảng Trị	3,20	Giỏi	7520101	CN	chung chỉ N3	Cơ Kỹ thuật	
56	2152837	Lê Uyển Nhi	07/05/2003	CC21KMT2	Quảng Ngãi	2,60	Khá	7520320	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Môi trường	
57	2152219	Nguyễn Đỗ Hạ Nhiên	16/09/2003	CC21QCV1	Thành phố Đà Nẵng	3,30	Giỏi	7510601	CC	IELTS 6.5	Quản lý Công nghiệp	
58	2052641	Bùi Nguyễn Thiên Phát	29/07/2002	CC20HKG2	Ninh Thuận	6,76	TB Khá	7520120	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Hàng không	
59	2153685	Lê Tuấn Phong	27/10/2003	CC21HDK	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520301	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
60	2152865	Nguyễn Thiên Phú	03/10/2003	CC21KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520130	CC	IELTS 6.5	Kỹ thuật Ô tô	
61	2152246	Nguyễn Trương Trọng Phúc	05/07/2003	CC21KTM2	An Giang	2,60	Khá	7480106	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
62	2153710	Lý Phổ Phương	07/05/2003	CC21HDK	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520301	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
63	2053367	Huỳnh Đào Đông Quân	23/10/2002	CC22KTM1	Tiền Giang	2,60	Khá	7480106	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
64	2153738	Lê Mỹ Khánh Quân	28/10/2003	CC21MTB	Tp. Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	CC	ielts 7.0	Kỹ thuật Hóa học	
65	1952944	Nguyễn Trần Minh Quân	19/08/2001	CC19CK12	Tp. Hồ Chí Minh	6,46	TB Khá	7520103	CC	ielts 7.0	Kỹ thuật Cơ khí	
66	2153749	Phạm Lê Quân	06/06/2003	CC21KHM1	Bình Thuận	2,90	Khá	7480101	CC	IELTS 6.5	Khoa học Máy tính	
67	2053380	Trần Hoàng Minh Quân	05/06/2002	CC20KTM1	Thành phố Hà Nội	6,62	TB Khá	7480106	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
68	2053363	Phan Ngọc Vinh Quang	15/08/2002	CC20KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	6,60	TB Khá	7580201	CC	ielts 6.5	Kỹ thuật Xây dựng	
69	2053364	Trần Nhật Quang	09/01/2002	CC20QKD2	Bà Rịa-Vũng Tàu	7,21	Khá	7510601	CC	ielts 6.0	Quản lý Công nghiệp	
70	2153729	Trương Nhật Quang	27/01/2003	CC21KYS1	Tây Ninh	2,60	Khá	7520401	CC	IELTS 6.5	Vật lý Kỹ thuật	
71	2053383	Nguyễn Quốc Qui	06/04/2002	CN20KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	7,19	Khá	7480101	CN	chung chỉ N3	Khoa học Máy tính	
72	2053388	Đặng Xuân Quý	27/06/2002	CC20HC12	Tp. Hồ Chí Minh	6,97	TB Khá	7520301	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
73	2153759	Ngô Đại Quý	04/10/2003	CC21KTO2	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520130	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
74	2152934	Phạm Hữu Quyền	18/02/2003	CC21HKG2	Tp. Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520120	CC	ielts 6	Kỹ thuật Hàng không	
75	2114636	Nguyễn Hữu Sang	26/11/2003	CC21QCV2	Bà Rịa-Vũng Tàu	2,70	Khá	7510601	CC	IELTS 6.0	Quản lý Công nghiệp	
76	1952960	Phan Đức Sơn	23/07/2001	CC19KHM2	Quảng Bình	6,86	TB Khá	7480101	CC	ielts 7.0	Khoa học Máy tính	
77	2153778	Nguyễn Hoàng Nhân Tâm	22/03/2003	CC21QKD2	Bình Định	2,80	Khá	7510601	CC	ielts 6.0	Quản lý Công nghiệp	
78	2053422	Nguyễn Di Tân	22/07/2002	CC20KTM2	Tp. Hồ Chí Minh	6,67	TB Khá	7480106	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
79	1952993	Lê Quốc Thắng	05/05/2001	CC20HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	6,75	TB Khá	7540101	CC	ielts 6.0	Công nghệ Thực phẩm	
80	2153806	Ngô Hà Thanh Thảo	16/09/2002	CC21MTB	Tp. Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	CC	IELTS 6.5	Kỹ thuật Hóa học	
81	2014571	Phan Gia Thiều	13/09/2002	CC21KMT1	Quảng Ngãi	2,70	Khá	7520320	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Môi trường	
82	2053472	Nguyễn Thị Xuân Thủy	01/04/2002	CC20QKD2	Đồng Nai	7,42	Khá	7510601	CC	IELTS 6.0	Quản lý Công nghiệp	
83	2153884	Lê Minh Tiến	05/10/2003	CC21HKG2	Bạc Liêu	2,60	Khá	7520120	CC	ielts 6.5	Kỹ thuật Hàng không	
84	2053511	Nguyễn Lê Thùy Trang	28/02/2002	CC22HVC	Quảng Nam	2,50	Khá	7520301	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
85	2153923	Văn Hoàng Cao Trí	23/05/2003	CC21CK12	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520103	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Cơ khí	
86	2153916	Tô Thị Trinh	15/02/2003	CC21HHC	Bình Định	3,30	Giỏi	7520301	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
87	2153949	Bùi Quang Tú	19/03/2003	CC21HKG2	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520120	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Hàng không	
88	2053595	Nguyễn Hùng Vĩ	09/11/2002	CC20ROB2	Tiền Giang	7,27	Khá	7520114	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Cơ điện tử	
89	2153971	Lê Nguyễn Quang Vinh	03/03/2003	CC21KMT2	Đồng Nai	3,30	Giỏi	7520320	CC	ielts 7.0	Kỹ thuật Môi trường	
90	2052323	Phan Tiến Vinh	16/09/2002	CC20KTM1	Bà Rịa-Vũng Tàu	6,67	TB Khá	7480106	CC	ielts 7.5	Kỹ thuật Máy tính	
91	2052325	Nguyễn Trần Vũ	13/11/2002	CC20HC12	Tp. Hồ Chí Minh	7,51	Khá	7520301	CC	ielts 6	Kỹ thuật Hóa học	
Khoa Cơ khí												
1	2112775	Nguyễn Đức Anh	13/06/2003	CK21LOG1	Tp. Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7510605	DH	Toeic 870	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
2	2112892	Nguyễn Văn Bằng	27/09/2002	CK21NH2	Thanh Hóa	2,20	Trung bình	7520115	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Nhiệt	
3	2110817	Nguyễn Đức Bình	16/05/2003	CK21CDT1	Đồng Nai	3,40	Giỏi	7520114	DH	Toeic 750	Kỹ thuật Cơ điện tử	
4	2112911	Trịnh Thanh Bình	14/09/2003	CK21CK10	Bà Rịa-Vũng Tàu	2,60	Khá	7520103	DH	Toeic 700	Kỹ thuật Cơ khí	
5	2010941	Lê Sỹ Bộ	21/03/2002	BD20BDG1	Thanh Hóa	6,62	TB Khá	7510211	DH	Toeic 790	Bảo dưỡng Công nghiệp	
6	2112957	Dương Anh Cường	06/01/2003	CK21CDT3	Bình Thuận	3,30	Giỏi	7520114	DH	Toeic 770	Kỹ thuật Cơ điện tử	
7	2011045	Bùi Quốc Đại	24/06/2001	CK20CK01	Đồng Nai	6,38	TB Khá	7520103	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Cơ khí	
8	2113187	Ngô Thái Điền	26/07/2003	CK21CK05	Tp. Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520103	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Cơ khí	
9	2012803	Nguyễn Hòa Dung	02/12/2002	CK20DM1	Khánh Hòa	7,35	Khá	7540204	DH	Toeic 630	Công nghệ Dệt, May	
10	2010997	Huỳnh Anh Duy	01/10/2002	CK20CDT2	Tp. Hồ Chí Minh	6,53	TB Khá	7520114	DH	Toeic 855	Kỹ thuật Cơ điện tử	
11	2113025	Nguyễn Tấn Duy	26/02/2003	CK21CK09	Đắk Lắk	3,00	Khá	7520103	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Cơ khí	
12	2113035	Phạm Minh Duy	14/05/2003	CK21CK08	Khánh Hòa	2,80	Khá	7520103	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Cơ khí	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
13	2113038	Thái Thanh Duy	27/06/2003	CK21NH2	An Giang	2,90	Khá	7520115	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Nhiệt	
14	2113313	Nguyễn Hoài Hàn	10/02/2003	CK21CDT4	An Giang	3,20	Giỏi	7520114	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Cơ điện tử	
15	2113315	Nguyễn Thị Ngọc Hàn	28/12/2002	CK21DET	Thành Phố Cần Thơ	2,60	Khá	7520312	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Dệt	
16	2111214	Đỗ Thiện Hiệp	08/02/2003	CK21CDT1	Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7520114	DH	Toeic 945	Kỹ thuật Cơ điện tử	
17	2013193	Lê Tường Hiệp	12/04/2002	CK20NH1	Quảng Ngãi	6,69	TB Khá	7520115	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Nhiệt	
18	2113384	Trần Châu Hiệp	02/12/2003	CK21CDT3	Đồng Tháp	2,80	Khá	7520114	DH	Toeic 870	Kỹ thuật Cơ điện tử	
19	2011212	Võ Sỹ Hiệp	29/03/2002	CK20NH1	Tp. Hồ Chí Minh	6,79	TB Khá	7520115	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Nhiệt	
20	2111171	Cao Huy Hiếu	03/08/2003	CK21HT1	Bình Phước	3,30	Giỏi	7520118	DH	Toeic 705	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
21	2111337	Nguyễn Thành Huy	03/03/2003	CK21CK04	Tp. Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7520103	DH	Toeic 940	Kỹ thuật Cơ khí	
22	2011282	Nguyễn Trọng Huy	03/08/2002	CK20CK03	Quảng Ngãi	6,31	TB Khá	7520103	DH	Toeic 825	Kỹ thuật Cơ khí	
23	2111476	Bùi Quang Khánh	24/12/2003	CK21LOG1	Bình Dương	3,00	Khá	7510605	DH	Toeic 725	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
24	2013461	Phạm Ngọc Khánh	30/08/2002	BD20BDG4	Bình Phước	7,04	Khá	7510211	DH	Toeic 665	Bảo dưỡng Công nghiệp	
25	2013504	Nguyễn Đăng Khoa	17/01/2002	CK20NH2	Bến Tre	7,14	Khá	7520115	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Nhiệt	
26	2113784	Vương Khánh Đăng Khoa	23/08/2002	BD21BDG3	Tp. Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510211	DH	Toeic 835	Bảo dưỡng Công nghiệp	
27	2113849	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/02/2003	CK21CK09	Khánh Hòa	2,60	Khá	7520103	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Cơ khí	
28	2013588	Y Khoa Knul	18/04/2002	CK20NH2	Đắk Lắk	6,92	TB Khá	7520115	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Nhiệt	
29	2113870	Hỷ Dénh Lây	02/12/2003	CK21CDM	Đồng Nai	2,90	Khá	7540204	DH	Toeic 600	Công nghệ Dệt, May	
30	2113942	Nguyễn Thành Long	17/09/2003	BD21BDG3	Đồng Nai	2,80	Khá	7510211	DH	Toeic 670	Bảo dưỡng Công nghiệp	
31	2111704	Nguyễn Hữu Hải Luân	07/03/2003	CK21CDT1	Bình Thuận	3,40	Giỏi	7520114	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Cơ điện tử	
32	2114037	Bùi Thị Hoàng Minh	15/10/2003	CK21HT1	Quảng Ngãi	2,90	Khá	7520118	DH	IELTS 7.0	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
33	2013770	Nguyễn Đình Hoàng Minh	02/07/2002	CK20CDT3	Thừa Thiên -Huế	7,62	Khá	7520114	DH	Toeic 745	Kỹ thuật Cơ điện tử	
34	2114064	Nguyễn TrươngHoàng Minh	18/10/2003	CK21CK05	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520103	DH	Toeic 785	Kỹ thuật Cơ khí	
35	2013807	Phan Thị ánh My	04/11/2002	CK20DM1	Bình Định	7,27	Khá	7540204	DH	Toeic 600	Công nghệ Dệt, May	
36	2011651	Nguyễn Quốc Nam	20/01/2002	CK20CDT2	Tp. Hồ Chí Minh	7,20	Khá	7520114	DH	Toeic 750	Kỹ thuật Cơ điện tử	
37	2114245	Trần Lương Hoàng Nguyễn	22/08/2003	CK21NH2	Bình Định	2,60	Khá	7520115	DH	Toeic 740	Kỹ thuật Nhiệt	
38	2013988	Bùi Sĩ Nhất	29/05/2002	CK20CDT4	Bến Tre	7,74	Khá	7520114	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Cơ điện tử	
39	2011762	Nguyễn Trần Mỹ Nhi	19/06/2001	CK20DM1	Bà Rịa-Vũng Tàu	7,11	Khá	7540204	DH	Toeic 620	Công nghệ Dệt, May	
40	2011839	Đỗ Nguyễn Hữu Phúc	31/05/2002	CK20CDT2	Vĩnh Long	7,59	Khá	7520114	DH	Toeic 695	Kỹ thuật Cơ điện tử	
41	2014240	Nguyễn Đắc Đạo Quang	26/05/2002	CK20CDT3	Thừa Thiên -Huế	7,75	Khá	7520114	DH	Toeic 680	Kỹ thuật Cơ điện tử	
42	2114647	Lê Khắc Siêu	14/04/2003	CK21CK05	Quảng Trị	2,80	Khá	7520103	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Cơ khí	
43	2112194	Lê Văn Sơn	03/01/2003	CK21NH1	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520115	DH	Toeic 795	Kỹ thuật Nhiệt	
44	2153774	Phạm Hữu Tài	29/05/2003	CK21CK07	Đồng Nai	2,70	Khá	7520103	DH	IELTS 5.5	Kỹ thuật Cơ khí	
45	2014460	Phạm Hoàng Tấn	28/02/2002	CK20NH2	Tp. Hồ Chí Minh	7,49	Khá	7520115	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Nhiệt	
46	2012104	Du Tuấn Thịnh	01/10/2002	CK20CK03	Tp. Hồ Chí Minh	7,11	Khá	7520103	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Cơ khí	
47	2014647	Ngô Thuận	10/02/2002	CK20LOG1	Quảng Ngãi	7,18	Khá	7510605	DH	Toeic 625	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
48	2014689	Trần Hoài Thương	24/06/2000	BD20BDG5	Tp. Hồ Chí Minh	6,90	TB Khá	7510211	DH	Toeic 600	Bảo dưỡng Công nghiệp	
49	2115026	Lê Quang Anh Toàn	10/11/2003	CK21CDT4	Đắk Lắk	2,80	Khá	7520114	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Cơ điện tử	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
50	2110619	Ngô Đức Trọng	24/02/2003	CK21CDT2	Kiên Giang	3,00	Khá	7520114	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Cơ điện tử	
51	2014934	Bùi Anh Tuấn	08/03/2002	CK20CDT4	Bến Tre	7,66	Khá	7520114	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Cơ điện tử	
52	2112591	Võ Anh Tuấn	19/06/2003	CK21CDT1	Tp. Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520114	DH	IELTS 5.5	Kỹ thuật Cơ điện tử	
53	2115237	Trần Thanh Tùng	24/08/2003	CK21CK10	Bình Thuận	2,60	Khá	7520103	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Cơ khí	
54	2112648	Nguyễn Hoàng Quốc Việt	23/10/2003	CK21DET	An Giang	2,70	Khá	7520312	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Dệt	
Khoa Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí												
1	2113114	Nguyễn Trọng Đại	23/06/2003	DC21DK1	Đồng Tháp	3,00	Khá	7520604	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Dầu khí	
2	2013008	Phan Hồ Hữu Đức	28/06/2002	DC20DK1	Lâm Đồng	7,15	Khá	7520604	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Dầu khí	
3	2113836	Huỳnh Mai Tuấn Kiệt	28/10/2003	DC21DC1	Tp. Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520501	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Địa chất	
4	2113987	Võ Đức Luân	10/01/2003	DC21DK1	Ninh Thuận	2,80	Khá	7520604	DH	Toeic 745	Kỹ thuật Dầu khí	
5	2114280	Đỗ Minh Nhất	04/08/2003	DC21DK1	Bình Định	2,90	Khá	7520604	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Dầu khí	
6	2114313	Lương Thị Phương Nhi	15/02/2003	DC21DC1	Quảng Nam	2,80	Khá	7520501	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Địa chất	
7	2114847	Võ Duy Thắng	15/10/2003	DC21DC1	Quảng Ngãi	2,70	Khá	7520501	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Địa chất	
8	2115108	Đình Đức Trung	05/06/2003	DC21DK1	Thanh Hóa	3,10	Khá	7520604	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Dầu khí	
Khoa Điện - Điện tử												
1	2012571	Bùi Quốc Anh	18/08/2002	DD20KTD2	Bình Phước	6,50	TB Khá	7520201	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Điện	
2	2112785	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	07/08/2003	DD21DV1	Lâm Đồng	2,70	Khá	7520207	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
3	2112820	Trần Tuấn Anh	26/09/2003	DD21KTD1	Đồng Nai	2,40	Trung bình	7520201	DH	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện	
4	2112825	Võ Nguyễn Phúc Anh	04/07/2003	DD21DV1	Tây Ninh	2,50	Khá	7520207	DH	Toeic 755	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
5	2112891	Nguyễn Xuân Bắc	07/11/2003	DD21KTD1	Nghệ An	2,90	Khá	7520201	DH	ielts 5.5	Kỹ thuật Điện	
6	2112901	Nguyễn Hữu Bình	30/05/2003	DD21DV1	Nghệ An	2,70	Khá	7520207	DH	Toeic 780	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
7	2010936	Nguyễn Tri Bình	09/01/2002	DD20DV2	Tp. Hồ Chí Minh	7,07	Khá	7520207	DH	ielts 7.0	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
8	2110828	Tôn Thất Thái Bình	21/01/2003	DD21DV1	Thừa Thiên -Huế	2,60	Khá	7520207	DH	ielts 6.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
9	2112947	Nguyễn Hoàng Chương	16/10/2003	DD21DV1	Tp. Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7520207	DH	Toeic 750	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
10	2110877	Lê Mạnh Cường	26/11/2003	DD21DV1	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520207	DH	Toeic 880	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
11	2110986	Dịp Văn Đa	03/05/2003	DD21KTD1	Khánh Hòa	3,00	Khá	7520201	DH	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện	
12	2110988	Lê Quang Đại	21/09/2003	DD21TD1	Bà Rịa-Vũng Tàu	2,90	Khá	7520216	DH	Toeic 805	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
13	2111011	Nguyễn Hoàng Đạt	20/02/2003	DD21DV1	Gia Lai	2,90	Khá	7520207	DH	Toeic 945	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
14	2111036	Võ Nguyễn Tiến Đạt	16/06/2003	DD21DV1	An Giang	2,70	Khá	7520207	DH	ielts 6.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
15	2011115	Trần Minh Đức	08/09/2001	DD20DV2	Đồng Nai	7,66	Khá	7520207	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
16	2113200	Lê Tấn Được	26/04/2003	DD21DV1	Phú Yên	2,70	Khá	7520207	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
17	2110909	Bùi Đặng Khương Duy	23/03/2003	DD21DV1	Bình Thuận	2,00	Trung bình	7520207	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
18	2010999	Lại Nguyễn Duy	18/07/2002	DD20KTD2	Đồng Nai	6,49	TB Khá	7520201	DH	Toeic 870	Kỹ thuật Điện	
19	2110943	Trương Anh Duy	28/05/2003	DD21DV1	Kon Tum	2,70	Khá	7520207	DH	Toeic 935	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
20	2113250	Lê Bá Giang	05/07/2003	DD21KTD1	Gia Lai	2,90	Khá	7520201	DH	Toeic 820	Kỹ thuật Điện	
21	2013049	Lưu Văn Hào	05/08/2002	DD20KTD2	Tp. Hồ Chí Minh	6,94	TB Khá	7520201	DH	Toeic 755	Kỹ thuật Điện	
22	2013187	Nguyễn Xuân Hiền	01/12/2002	DD20DV2	Gia Lai	7,09	Khá	7520207	DH	Toeic 720	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
23	2111192	Nguyễn Văn Trọng Hiếu	08/10/2003	DD21DV2	An Giang	2,40	Trung bình	7520207	DH	ielts 5.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
24	2113401	Lê Việt Hoàng	29/05/2003	DD21DV2	Nghệ An	2,50	Khá	7520207	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
25	2113417	Trần Huy Hoàng	13/06/2003	DD21DV2	Nam Định	2,50	Khá	7520207	DH	Toeic 740	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
26	2110224	Huỳnh Duy Hưng	04/11/2003	DD21TD1	Trà Vinh	3,30	Giỏi	7520216	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
27	2011326	Lý Vĩnh Hưng	30/10/2002	DD20DV3	Cà Mau	6,70	TB Khá	7520207	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
28	2113477	Huỳnh Quang Huy	29/04/2003	DD21DV2	Khánh Hòa	2,60	Khá	7520207	DH	IELTS 6.0	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
29	2111298	Lê Gia Huy	15/03/2003	DD21DV2	Gia Lai	2,50	Khá	7520207	DH	Toeic 765	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
30	2113493	Mai Gia Huy	08/08/2003	DD21DV2	Đồng Nai	3,00	Khá	7520207	DH	ielts 6.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
31	2111345	Phạm Gia Huy	29/05/2003	DD21TD1	Trà Vinh	3,20	Giỏi	7520216	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
32	2113645	Hương Vĩnh Kha	31/08/2003	DD21TD1	Quảng Ngãi	3,30	Giỏi	7520216	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
33	2113730	Phạm Hoàng Khải	01/09/2003	DD21KTD2	Tp. Hồ Chí Minh	2,10	Trung bình	7520201	DH	Toeic 720	Kỹ thuật Điện	
34	2010313	Hà Duy Khang	04/01/2002	DD20DV3	Tây Ninh	6,64	TB Khá	7520207	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
35	2011369	Nguyễn Quang Khang	07/09/2002	DD20DV3	Đồng Nai	6,68	TB Khá	7520207	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
36	2111479	Hoàng Mạnh Lê Khánh	30/01/2003	DD21DV2	Nghệ An	2,70	Khá	7520207	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
37	2111492	Nguyễn Long Gia Khánh	03/07/2003	DD21DV3	Thành Phố Cần Thơ	2,40	Trung bình	7520207	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
38	2110258	Nguyễn Phú Khánh	29/10/2003	DD21TD1	Quảng Ngãi	3,00	Khá	7520216	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
39	2113735	Bùi Đức Khiêm	14/09/2003	DD21DV3	Hà Tĩnh	2,50	Khá	7520207	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
40	2111540	Thiều Minh Khoa	14/07/2003	DD21DV3	Bà Rịa-Vũng Tàu	3,10	Khá	7520207	DH	IELTS 6.0	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
41	2012512	Hoàng Trung Kiên	31/07/2002	DD20DV3	Kon Tum	6,74	TB Khá	7520207	DH	Toeic 705	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
42	2113861	Nguyễn Cảnh Kỳ	01/01/2003	DD21KTD2	Quảng Trị	2,80	Khá	7520201	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Điện	
43	2113875	Huỳnh Công Hoàng Lâm	17/02/2003	DD21DV3	Thừa Thiên -Huế	2,60	Khá	7520207	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
44	2110314	Phan Phúc Lâm	10/01/2003	DD21TD2	Bà Rịa-Vũng Tàu	2,30	Trung bình	7520216	DH	IELTS 6.5	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
45	2112713	Nguyễn Thúc Lễ	10/01/2003	DD21DV3	Khánh Hòa	3,00	Khá	7520207	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
46	2113953	Đậu Cao Lộc	30/12/2002	DD21TD1	Hà Tĩnh	2,60	Khá	7520216	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
47	2011575	Nguyễn Đức Lộc	07/07/2001	DD20KTD3	Đắk Lắk	6,85	TB Khá	7520201	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Điện	
48	2113999	Nguyễn Văn Lực	29/10/2003	DD21KTD2	Phú Yên	2,90	Khá	7520201	DH	Toeic 755	Kỹ thuật Điện	
49	2114002	Nguyễn Khánh Ly	03/10/2003	DD21DV3	Yên Bái	2,70	Khá	7520207	DH	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
50	2111726	Bùi Đức Minh	16/11/2003	DD21DV3	Thành phố Hà Nội	2,70	Khá	7520207	DH	IELTS 6.0	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
51	2114085	Từ Vĩnh Minh	14/10/2003	DD21DV3	Tp. Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520207	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
52	2013821	Nguyễn Hải Nam	15/01/2002	DD20KTD3	Ninh Thuận	6,80	TB Khá	7520201	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Điện	
53	2013867	La Nghĩa	03/05/2002	DD20KTD3	Gia Lai	7,13	Khá	7520201	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Điện	
54	2114237	Phan Tuấn Nguyên	24/09/2003	DD21DV3	Bến Tre	2,80	Khá	7520207	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
55	2114285	Đỗ Long Nhật	11/09/2003	DD21KTD1	Thái Bình	2,50	Khá	7520201	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Điện	
56	2112029	Bùi Trọng Phúc	28/02/2002	DD21TD2	Bến Tre	2,80	Khá	7520216	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
57	2112069	Kiều Thị Thu Phương	26/03/2003	DD21TD1	Gia Lai	3,50	Giỏi	7520216	DH	Toeic 775	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
58	2011928	Vũ Minh Quân	26/08/2002	DD20KTD1	Bà Rịa-Vũng Tàu	7,38	Khá	7520201	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Điện	
59	2112100	Phạm Nhật Quang	25/12/2003	DD21DV4	Quảng Ngãi	2,40	Trung bình	7520207	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
60	2112105	Trần Võ Lê Quang	25/08/2003	DD21DV4	Ninh Thuận	2,50	Khá	7520207	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
61	2112147	Nguyễn Nhân Việt Quốc	25/04/2003	DD21TD2	Tây Ninh	3,10	Khá	7520216	DH	Toeic 905	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
62	2112153	Trương Thị Mỹ Quyên	01/10/2003	DD21DV4	An Giang	2,50	Khá	7520207	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
63	2014315	Nguyễn Văn Quyên	12/01/2002	DD20DV4	Đắk Lắk	6,94	TB Khá	7520207	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
64	2114686	Nguyễn Lý Phương Tài	06/12/2003	DD21DV4	Sóc Trăng	2,70	Khá	7520207	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
65	2012008	Dương Quý Tâm	30/10/2002	DD20DV4	Tp. Hồ Chí Minh	7,32	Khá	7520207	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
66	2114720	Trần Thanh Tâm	19/02/2003	DD21KTD3	Đồng Nai	2,80	Khá	7520201	DH	Toeic 920	Kỹ thuật Điện	
67	2114722	Trần Thị Thanh Tâm	18/06/2003	DD21DV4	Quảng Bình	2,40	Trung bình	7520207	DH	Toeic 670	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
68	2012067	Đông Hữu Thăng	03/01/2002	DD20DV4	Đồng Nai	7,35	Khá	7520207	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
69	1915244	Nguyễn Trọng Thắng	13/10/2001	DD19KTD1	Đắk Lắk	7,07	Khá	7520201	DH	Toeic 550	Kỹ thuật Điện	
70	2220024	Hà Hải Thiệu	19/10/2007	DD22B2DV	Bình Dương	3,10	Khá	7520207	B2	Toeic 870	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
71	2010653	Nguyễn Võ Phú Thịnh	04/07/2002	DD20KTD1	Long An	6,78	TB Khá	7520201	DH	ielts 6.5	Kỹ thuật Điện	
72	2114936	Nguyễn Hòa Thuận	11/11/2003	DD21KTD3	Bình Thuận	2,70	Khá	7520201	DH	Toeic 710	Kỹ thuật Điện	
73	2114990	Nguyễn Minh Tiến	11/02/2003	DD21KTD3	Nam Định	2,60	Khá	7520201	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Điện	
74	2112464	Võ Bá Toàn	21/05/2003	DD21DV4	Tp. Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7520207	DH	ielts 5.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
75	2115090	Nguyễn Khánh Minh Trí	18/10/2003	DD21DV4	Quảng Trị	2,60	Khá	7520207	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
76	2110620	Nguyễn Trung Trọng	11/08/2003	DD21DV4	An Giang	2,60	Khá	7520207	DH	Toeic 900	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
77	2115123	Nguyễn Thành Trung	07/09/2003	DD21TD2	Tp. Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520216	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
78	2112599	Bùi Võ Thiên Tú	05/08/2003	DD21KTD3	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520201	DH	IELTS 7.5	Kỹ thuật Điện	
79	2115179	Nguyễn Minh Tuấn	10/01/2002	DD21DV4	Quảng Ngãi	2,80	Khá	7520207	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
80	2112663	Hùng Nguyễn Vũ	21/04/2003	DD21DV4	Thừa Thiên -Huế	2,80	Khá	7520207	DH	Toeic 920	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
81	2151278	Nguyễn Nam Vũ	21/05/2003	DD21DV3	Thừa Thiên -Huế	2,80	Khá	7520207	DH	ielts 5.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
82	2115326	Nông Văn Vũ	11/07/2003	DD21TD2	Đắk Lắk	3,50	Giỏi	7520216	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
Khoa Kỹ thuật Giao thông												
1	2110987	Lê Nguyễn Vi Đan	01/07/2003	GT21HK1	Phú Yên	3,30	Giỏi	7520120	DH	IELTS 6.5	Kỹ thuật Hàng không	
2	2110987	Lê Nguyễn Vi Đan	01/07/2003	GT21TAU1	Phú Yên	3,30	Giỏi	7520122	DH	IELTS 6.5	Kỹ thuật Tàu thủy	
3	2011614	Lê Tiến Minh	27/02/2002	GT20OTO2	Thành Phố Cần Thơ	6,60	TB Khá	7520130	DH	Toeic 775	Kỹ thuật Ô tô	
4	2111815	Trương Nhật Nam	15/09/2003	GT21HK1	Bình Định	2,70	Khá	7520120	DH	Toeic 815	Kỹ thuật Hàng không	
5	2111815	Trương Nhật Nam	15/09/2003	GT21TAU1	Bình Định	2,70	Khá	7520122	DH	Toeic 815	Kỹ thuật Tàu thủy	
6	2114188	Phạm Công Nghĩa	17/10/2003	GT21OTO3	Quảng Nam	3,40	Giỏi	7520130	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Ô tô	
7	2011947	Trần Minh Quyền	04/09/2002	GT20OTO2	Phú Yên	7,16	Khá	7520130	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Ô tô	
8	2014570	Trần Thuận Thiên	16/02/2002	GT20OTO3	Nghệ An	7,03	Khá	7520130	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Ô tô	
9	2112369	Nguyễn Quốc Thịnh	08/04/2003	GT21HK1	Bình Định	2,80	Khá	7520120	DH	Toeic 695	Kỹ thuật Hàng không	
10	2112369	Nguyễn Quốc Thịnh	08/04/2003	GT21TAU1	Bình Định	2,80	Khá	7520122	DH	Toeic 695	Kỹ thuật Tàu thủy	
11	2115327	Phan Long Vũ	16/02/2003	GT21OTO2	Nghệ An	2,90	Khá	7520130	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Ô tô	
Khoa Kỹ thuật Hóa học												
1	2114017	Tiền Trúc Mai	07/08/2003	HC21HD	Vĩnh Long	3,30	Giỏi	7520301	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Hóa học	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
2	2111779	Vũ Bình Minh	21/11/2003	HC21HD	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520301	DH	IELTS 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
3	2114199	Lâm Bảo Ngọc	25/12/2003	HC21DK	Bình Thuận	2,40	Trung bình	7520301	DH	ielts 5.0	Kỹ thuật Hóa học	
4	2114308	Hoàng Thị Phương Nhi	19/05/2003	HC21MB	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520301	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Hóa học	
5	2114337	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	22/08/2003	HC21HLY	Bến Tre	3,30	Giỏi	7520301	DH	Toeic 715	Kỹ thuật Hóa học	
6	2112228	Trương Hữu Tài	25/10/2003	HC21VS	Tp. Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Hóa học	
7	2213209	Trần Quốc Thắng	18/07/2004	HC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520301	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Hóa học	
8	2115062	Trần Bội Trân	20/12/2003	HC21VS	Thành Phố Cần Thơ	3,10	Khá	7520301	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Hóa học	
9	2012422	Phạm Ngọc Việt	02/11/2002	HC20MB1	Bình Phước	6,61	TB Khá	7520301	DH	ielts 5.0	Kỹ thuật Hóa học	
Khoa Khoa học Ứng dụng												
1	2153294	Nguyễn Hải Đăng	01/08/2003	KU21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	2,10	Trung bình	7520101	DH	IELTS 6.0	Cơ Kỹ thuật	
2	2113188	Trần Hữu Điền	31/12/2003	KU21CKT2	Bình Định	2,60	Khá	7520101	DH	Toeic 605	Cơ Kỹ thuật	
3	2111454	Nguyễn Hoàng Duy Khang	14/04/2003	KU21CKT1	Bình Dương	2,80	Khá	7520101	DH	ielts 5.5	Cơ Kỹ thuật	
4	2013685	Lương Tất Lộc	15/05/2002	KU20CKT1	Ninh Bình	7,76	Khá	7520101	DH	Toeic 620	Cơ Kỹ thuật	
5	2011544	Diệp Đức Hoàng Long	15/03/2000	KU20CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	7,39	Khá	7520101	DH	Toeic 710	Cơ Kỹ thuật	
6	2114314	Nguyễn Đan Phụng Nhi	25/03/2003	KU21VLY2	Lâm Đồng	2,90	Khá	7520401	DH	Toeic 815	Vật lý Kỹ thuật	
7	2153853	Phan Như Thuật	30/10/2003	KU21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520101	DH	Toeic 640	Cơ Kỹ thuật	
Khoa Môi trường và Tài nguyên												
1	2012631	Võ Thị Ngọc ánh	15/05/2002	MO20QLM	Quảng Nam	7,17	Khá	7850101	DH	Toeic 600	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
2	2012884	Lương Minh Dương	12/11/2002	MO20KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	7,12	Khá	7520320	DH	Toeic 700	Kỹ thuật Môi trường	
3	2113593	Tô Cao Hùng	05/08/2003	MO21KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520320	DH	Toeic 850	Kỹ thuật Môi trường	
4	2113762	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/2003	MO21KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520320	DH	IELTS 6.0	Kỹ thuật Môi trường	
5	2153643	Phạm Như Nguyễn	24/08/2003	MO21KMT1	Đắk Lắk	2,90	Khá	7520320	DH	ielts 5.0	Kỹ thuật Môi trường	
6	2014350	Nguyễn Duy Sang	30/01/2002	MO20KMT1	Đồng Nai	6,98	TB Khá	7520320	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Môi trường	
7	2114908	Phan Viết Thoan	03/10/2003	MO21KMT1	Bà Rịa-Vũng Tàu	3,20	Giỏi	7520320	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Môi trường	
8	2114954	Lương Minh Thư	15/11/2003	MO21QLM	Vĩnh Long	2,80	Khá	7850101	DH	Toeic 640	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
9	2114962	Trần Vũ Minh Thư	16/09/2003	MO21QLM	Tp. Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7850101	DH	Toeic 770	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
10	2115348	Nguyễn Thảo Vy	21/09/2003	MO21KMT1	Cà Mau	3,30	Giỏi	7520320	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Môi trường	
Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính												
1	2112953	Phan Thế Cường	22/10/2003	MT21KH10	Thừa Thiên -Huế	2,90	Khá	7480101	DH	Toeic 790	Khoa học Máy tính	
2	2011047	Lê Trần Quốc Đại	01/04/2002	MT20KT02	Tp. Hồ Chí Minh	6,58	TB Khá	7480106	DH	Toeic 830	Kỹ thuật Máy tính	
3	2220033	Nguyễn Đạt Duy	08/09/2008	MT22B2KH	Tp. Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	B2	ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
4	2013053	Nguyễn Tấn Hào	30/03/2002	MT20KT04	Trà Vinh	7,80	Khá	7480106	DH	Toeic 960	Kỹ thuật Máy tính	
5	2113290	Quách Trung Hào	05/12/2003	MT21KH09	Sóc Trăng	2,90	Khá	7480101	DH	Toeic 890	Khoa học Máy tính	
6	2211027	Nguyễn Hồ Phước Hiền	03/10/2004	MT22KH02	Tiền Giang	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 770	Khoa học Máy tính	
7	2211228	Nguyễn Phan Đình Huy	26/03/2004	MT22KH03	Gia Lai	2,90	Khá	7480101	DH	Toeic 685	Khoa học Máy tính	
8	2111504	Vương Trần Khánh	13/11/2003	MT21KH07	Khánh Hòa	3,50	Giỏi	7480101	DH	Toeic 830	Khoa học Máy tính	
9	2113878	Mai Lâm	18/07/2003	MT21KT04	Bà Rịa-Vũng Tàu	2,40	Trung bình	7480106	DH	ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
10	2111654	Võ Trần Nhã Linh	10/11/2003	MT21KT01	Phú Yên	2,60	Khá	7480106	DH	Ielts 6.5	Kỹ thuật Máy tính	
11	2013703	Chu Văn Lợi	19/03/2002	MT20KT06	Hà Tĩnh	6,90	TB Khá	7480106	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Máy tính	
12	2111949	Nguyễn Hoàng Hữu Nhiên	09/10/2003	MT21KH03	Bình Định	3,20	Khá	7480101	DH	IELTS 8.0	Khoa học Máy tính	
13	2014114	Diệp Bảo Phong	08/01/2002	MT20KT05	Khánh Hòa	6,85	TB Khá	7480106	DH	Toeic 775	Kỹ thuật Máy tính	
14	2112173	Phạm Hồng My Sa	16/10/2003	MT22KT04	Tp. Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480106	DH	Toeic 865	Kỹ thuật Máy tính	
15	2112277	Đình Huỳnh Thái	23/09/2003	MT21KH05	Bà Rịa-Vũng Tàu	3,50	Giỏi	7480101	DH	Toeic 975	Khoa học Máy tính	
16	2012482	Lê Anh Thi	23/09/2002	MT20KT02	Gia Lai	7,28	Khá	7480106	DH	Toeic 765	Kỹ thuật Máy tính	
17	2110555	Đông Minh Thiện	20/06/2003	MT21KH08	Bến Tre	3,30	Giỏi	7480101	DH	Toeic 980	Khoa học Máy tính	
18	2014591	Đặng Gia Thịnh	14/11/2002	MT20KT05	Tiền Giang	7,47	Khá	7480106	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Máy tính	
19	2012132	Lê Đỗ Minh Thông	28/06/2002	MT20KT02	Tiền Giang	7,19	Khá	7480106	DH	Ielts 5.5	Kỹ thuật Máy tính	
20	2110584	Huỳnh Hữu Tín	06/09/2003	MT21KT02	An Giang	2,90	Khá	7480106	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Máy tính	
21	2115011	Nguyễn Trọng Tín	02/01/2003	MT21KH11	Bình Định	3,20	Giỏi	7480101	DH	Toeic 630	Khoa học Máy tính	
22	2112462	Trần Huỳnh Khánh Toàn	28/12/2003	MT21KH03	Quảng Ngãi	3,20	Giỏi	7480101	DH	IELTS 8.0	Khoa học Máy tính	
23	2115186	Phạm Minh Tuấn	08/02/2003	MT21KH08	Đắk Lắk	3,20	Giỏi	7480101	DH	Toeic 890	Khoa học Máy tính	
24	2112609	Đoàn Duy Tùng	08/08/2003	MT21KH06	Tp. Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	DH	Toeic 890	Khoa học Máy tính	
25	2015028	Cao Hoàng Khánh Vân	06/01/2002	MT20KH09	Lâm Đồng	7,03	Khá	7480101	DH	Toeic 870	Khoa học Máy tính	
26	2213964	Lê Ngọc Vinh	17/02/2004	MT22KH02	Tp. Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480101	DH	Ielts 7.0	Khoa học Máy tính	
27	2015063	Nguyễn Khắc Vinh	20/03/2001	MT20KT03	Nghệ An	7,10	Khá	7480106	DH	Toeic 670	Kỹ thuật Máy tính	
Khoa Quản lý Công nghiệp												
1	2012860	Hồ Tiến Dũng	29/03/2002	QL20CN1	Quảng Bình	7,57	Khá	7510601	DH	Toeic 620	Quản lý Công nghiệp	
2	2153337	Nguyễn Hoàng Bảo Hân	25/10/2003	QL21QCN	Tiền Giang	3,20	Giỏi	7510601	DH	IELTS 5.0	Quản lý Công nghiệp	
3	2013695	Phạm Lại Đức Lộc	06/07/2002	QL20CN1	Thành Phố Cần Thơ	7,53	Khá	7510601	DH	Toeic 780	Quản lý Công nghiệp	
4	2111861	Phạm Hồng Ngọc	13/09/2003	QL21QCN	Đồng Nai	3,30	Giỏi	7510601	DH	Toeic 715	Quản lý Công nghiệp	
5	2212572	Nguyễn Huỳnh Trúc Phương	27/08/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Ielts 6.5	Quản lý Công nghiệp	
6	2115139	Võ Thị Phương Trúc	08/04/2003	QL21QKD	Bình Định	3,00	Khá	7510601	DH	Toeic 705	Quản lý Công nghiệp	
Chương trình Tiên tiến												
1	2151174	Mai Thái Bảo	14/01/2003	TT21COA2	Cà Mau	2,80	Khá	7520201	TT	Toeic 815	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
2	1951119	Trần Quốc Bảo	28/09/2001	TT20COA1	Tp. Hồ Chí Minh	6,24	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
3	2151281	Lâm Ngọc Cẩm	17/02/2002	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	2,10	Trung bình	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
4	2051096	Nguyễn Lê Minh Duy	18/08/2002	TT21HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
5	2151181	Trịnh Khánh Duy	14/08/2003	TT21COA1	Bến Tre	2,20	Trung bình	7520201	TT	IELTS 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
6	2151069	Trần Hồng Hải	11/11/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520201	TT	IELTS 7.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
7	2151197	Nguyễn Huy Hoàng	03/06/2003	TT21COA2	Tiền Giang	2,70	Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
8	2051123	Bùi Tuấn Hùng	19/02/2002	TT20COA1	Tp. Hồ Chí Minh	6,40	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
9	2151093	Lê Vĩ Khang	27/07/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520201	TT	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
10	2051132	Phạm Gia Khánh	21/11/2002	TT20HSA1	Thành phố Hà Nội	6,95	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
11	2151212	Ngô Đình Anh Khoa	17/03/2003	TT21COA2	Tp. Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
12	2151225	Nguyễn Quốc Lợi	16/10/2003	TT21HSA1	Bà Rịa-Vũng Tàu	2,20	Trung bình	7520201	TT	IELTS 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
13	2151113	Nguyễn Hồng Long	13/10/2003	TT21HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520201	TT	IELTS 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
14	1951176	Đỗ Nguyễn Hồng Nguyên	18/12/2001	TT19COA2	Tp. Hồ Chí Minh	6,08	TB Khá	7520201	TT	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
15	2151236	Nguyễn Hồ Phúc Nguyên	10/10/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520201	TT	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
16	2051163	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/09/2002	TT21HSA1	Hà Tĩnh	2,40	Trung bình	7520201	TT	IELTS 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
17	2151129	Lê Tấn Phát	27/07/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520201	TT	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
18	2051164	Nguyễn Mạnh Phát	21/05/2002	TT21COA1	Bà Rịa-Vũng Tàu	2,90	Khá	7520201	TT	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
19	2151246	Đỗ Nhật Quang	16/08/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7520201	TT	ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
20	2051062	Nguyễn Thành Sang	06/08/2002	TT21COA1	Bến Tre	3,10	Khá	7520201	TT	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
21	2151257	Mai Huỳnh Thái	27/08/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520201	TT	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
22	2151146	Nguyễn Hoàn Thức	21/02/2002	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520201	TT	Toeic 840	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
23	2151263	Bùi Đức Tiến	20/06/2003	TT21HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7520201	TT	IELTS 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
24	2051212	Trần Hữu Anh Tú	02/07/2002	TT21COA1	Bà Rịa-Vũng Tàu	2,20	Trung bình	7520201	TT	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
25	2151037	Bùi Quang Minh Tuấn	16/02/2003	TT21COA2	Tp. Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520201	TT	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
26	2151159	Cao Minh Tuấn	22/12/2003	TT21HSA1	Tây Ninh	2,40	Trung bình	7520201	TT	ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
27	2110643	Lê Anh Tuấn	01/03/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520201	TT	ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
Khoa Công nghệ Vật liệu												
1	2112840	Trương Hồng Ân	27/02/2003	VL21VSI	Bình Dương	2,90	Khá	7520309	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Vật liệu	
2	2112764	Lê Hoàng Anh	15/11/2003	VL21VKN	Tp. Hồ Chí Minh	2,00	Trung bình	7520309	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Vật liệu	
3	2012898	Nguyễn Xuân Duy Đàng	06/02/2002	VL20VSI	Bình Định	6,84	TB Khá	7520309	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Vật liệu	
4	2012866	Nguyễn Chí Dũng	18/02/2002	VL20VKH	Tp. Hồ Chí Minh	6,59	TB Khá	7520309	DH	Toeic 740	Kỹ thuật Vật liệu	
5	2113462	Đặng Vũ Huy	08/09/2003	VL21VKN	Tiền Giang	2,10	Trung bình	7520309	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Vật liệu	
6	2013338	Trương Thiệu Huy	20/03/2002	VL20VPO	Bạc Liêu	6,97	TB Khá	7520309	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Vật liệu	
7	2110241	Nguyễn Phúc Minh Khang	12/12/2003	VL21VPO	Đồng Tháp	2,50	Khá	7520309	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Vật liệu	
8	1913755	Phạm Thị Hồng Khánh	20/12/2001	VL19SI	Bình Định	7,07	Khá	7520309	DH	Toeic 590	Kỹ thuật Vật liệu	
9	2113757	Mai Chiêm Khoa	31/10/2003	VL21VKH	Quảng Trị	3,20	Giỏi	7520309	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Vật liệu	
10	2113925	Trần Đào Ngọc Loan	13/03/2003	VL21VPO	Tp. Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520309	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Vật liệu	
11	2113986	Trần Nhân Luân	26/03/2003	VL21VKH	Bình Định	2,90	Khá	7520309	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Vật liệu	
12	2013730	Đào Hữu Lý	29/11/2002	VL20VPO	Tp. Hồ Chí Minh	6,71	TB Khá	7520309	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Vật liệu	
13	2114096	Nguyễn Thị Trà My	28/10/2003	VL21VKH	Phú Yên	2,80	Khá	7520309	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Vật liệu	
14	2112043	Nguyễn Công Phúc	29/12/2003	VL21VKH	Vĩnh Long	2,30	Trung bình	7520309	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Vật liệu	
15	2112112	Đình Minh Quân	22/02/2003	VL21VPO	Bình Dương	2,50	Khá	7520309	DH	Toeic 860	Kỹ thuật Vật liệu	
16	2112133	Trần Lê Quang Quân	02/01/2003	VL21VSI	Tp. Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520309	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Vật liệu	
17	2114803	Nguyễn Đặng Phương Thảo	28/03/2003	VL21VKH	Tp. Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520309	DH	Toeic 775	Kỹ thuật Vật liệu	
18	2115044	Nguyễn Thị Trang	24/07/2003	VL21VSI	Hà Tĩnh	2,70	Khá	7520309	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Vật liệu	
Chương trình Việt - Pháp (PFIEV)												
1	1912651	Bùi Gia Bảo	17/05/2001	VP19HK	Tp. Hồ Chí Minh	7,55	Khá	7520103	VP	ielts 7.0	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
2	2011080	Huỳnh Hữu Đăng	11/03/2002	VP20CDT	Đồng Nai	7,95	Khá	7520103	VP	Toeic 740	Kỹ thuật Cơ khí (Cơ điện tử)	
3	2110158	Lê Nguyễn Vy Hân	19/11/2003	VP21PO	Vĩnh Long	3,40	Giỏi	7520103	VP	Toeic 735	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu Polymer và Composite)	
4	1910249	Đặng Ngọc Khánh	28/03/2001	VP19CDT	Tp. Hồ Chí Minh	8,95	Giỏi	7520103	VP	Toeic 725	Kỹ thuật Cơ khí (Cơ điện tử)	
5	1913752	Phan Tuấn Khánh	13/08/2001	VP19XDC	Tiền Giang	6,63	TB Khá	7580201	VP	Toeic 750	Kỹ thuật Xây dựng (Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp và Hiệu quả Năng lượng)	
6	2010558	Nguyễn Việt Minh Quân	31/07/2002	VP20HK	Gia Lai	7,71	Khá	7520103	VP	Toeic 810	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
7	2014335	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	23/04/2002	VP20PO	Tp. Hồ Chí Minh	7,61	Khá	7520103	VP	Toeic 795	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu Polymer và Composite)	
8	1914937	Trần Ngọc Minh Song	07/12/2001	VP19VT	Tp. Hồ Chí Minh	7,64	Khá	7520201	VP	Toeic 695	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
9	2012268	Huỳnh Minh Triều	13/10/2002	VP20NL	Long An	7,54	Khá	7520201	VP	Toeic 725	Kỹ thuật Điện (Hệ thống năng lượng)	
10	2015136	Dương Gia Yến	17/11/2002	VP20PO	Tp. Hồ Chí Minh	7,71	Khá	7520103	VP	Toeic 720	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu Polymer và Composite)	
Khoa Kỹ thuật Xây dựng												
1	2112728	Đỗ Văn Trường An	09/01/2003	XD21CD1	Tp. Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7580205	DH	Toeic 835	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
2	2112734	Lý An	05/09/2003	XD21KT	Quảng Ngãi	3,00	Khá	7580101	DH	Toeic 650	Kiến trúc	
3	2110783	Lý Quang Bảo	23/09/2003	XD21DD1	Đồng Nai	2,70	Khá	7580201	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Xây dựng	
4	2110822	Nguyễn Thiện Bình	16/01/2003	XD21DD1	Quảng Trị	3,10	Khá	7580201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng	
5	2012714	Nguyễn Văn Ngọc Châu	01/03/2002	XD20DD1	Quảng Trị	7,09	Khá	7580201	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Xây dựng	
6	2112948	Đỗ Thành Công	18/11/2003	XD21DD2	Yên Bái	3,20	Giỏi	7580201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Xây dựng	
7	2112972	Phạm Anh Cường	27/12/2003	XD21DD3	Bình Dương	2,70	Khá	7580201	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Xây dựng	
8	2113174	Lê Hải Đăng	24/08/2003	XD21KT	Bình Phước	2,70	Khá	7580101	DH	Toeic 705	Kiến trúc	
9	2012949	Phan Tuấn Đạt	31/07/2002	XD20DD1	Sóc Trăng	7,26	Khá	7580201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng	
10	2110074	Phan Văn Diễn	14/11/2003	XD21DD1	Bà Rịa-Vũng Tàu	3,20	Giỏi	7580201	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Xây dựng	
11	2111057	Lê Trung Điền	20/04/2003	XD21DD2	Đồng Tháp	2,70	Khá	7580201	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Xây dựng	
12	2113191	Trần Hữu Định	01/02/2003	XD21DD2	Bình Định	2,80	Khá	7580201	DH	ielts 5	Kỹ thuật Xây dựng	
13	2113204	Dương Đình Đức	19/06/2003	XD21TL1	Thanh Hóa	2,60	Khá	7580202	DH	Toeic 670	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Thủy	
14	2113211	Huỳnh Đức	07/04/2003	XD21DD2	Bình Định	3,30	Giỏi	7580201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng	
15	2113069	Nguyễn Tuấn Dũng	14/04/2003	XD21CD1	Quảng Ngãi	2,60	Khá	7580205	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
16	2113099	Nguyễn Tùng Dương	24/10/2003	XD21DD1	Vĩnh Long	3,00	Khá	7580201	DH	Toeic 770	Kỹ thuật Xây dựng	
17	2113103	Trần Phạm Hoàng Dương	05/08/2003	XD21DD2	Ninh Thuận	2,50	Khá	7580201	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Xây dựng	
18	2052912	Lê Hữu Duy	31/05/2002	XD20CTN	Tp. Hồ Chí Minh	6,67	TB Khá	7580210	DH	Toeic 825	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
19	2113033	Phan Tấn Duy	02/08/2003	XD21DD1	Tp. Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7580201	DH	Toeic 800	Kỹ thuật Xây dựng	
20	2113331	Võ Nguyễn Ngọc Hậu	06/04/2003	XD21KT	Bình Thuận	3,00	Khá	7580101	DH	ielts 5.0	Kiến trúc	
21	2111215	Lê Minh Hiệp	05/08/2003	XD21CTN	Tp. Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7580210	DH	Toeic 890	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
22	2113431	Lê Viết Hòa	03/07/2003	XD21DD2	Tp. Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7580201	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Xây dựng	
23	2013351	Dương Quý Hùng	11/01/2002	XD20DD1	Tp. Hồ Chí Minh	6,63	TB Khá	7580201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Xây dựng	
24	2013327	Phạm Nguyễn Nhật Huy	02/03/2002	XD20VL	Tiền Giang	7,05	Khá	7510105	DH	Toeic 695	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
25	2113642	Huỳnh Minh Kha	23/05/2003	XD21DD2	Ninh Thuận	2,80	Khá	7580201	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Xây dựng	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
26	2113715	Phạm Quốc Khánh	02/04/2003	XD21DD1	Khánh Hòa	3,20	Giỏi	7580201	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Xây dựng	
27	2111556	Lê Anh Khôi	19/11/2003	XD21CD1	Trà Vinh	3,00	Khá	7580205	DH	Toeic 735	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
28	2113802	Nguyễn Minh Khôi	11/04/2003	XD21CTN	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7580210	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
29	2111571	Vương Khuyến	06/11/2003	XD21DD1	Bình Dương	2,90	Khá	7580201	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Xây dựng	
30	2013618	Huỳnh Đức Linh	05/06/2002	XD20DD2	Quảng Ngãi	7,49	Khá	7580201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng	
31	1812975	Nguyễn Văn Bá Lộc	18/10/2000	XD18KT	Quảng Ngãi	6,73	TB Khá	7580101	DH	Toeic 535	Kiến trúc	
32	2113974	Võ Thành Lộc	14/06/2003	XD21DD2	Tiền Giang	2,70	Khá	7580201	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng	
33	2053187	Lý Hoàng Long	30/11/2002	XD21DD2	Lâm Đồng	2,90	Khá	7580201	DH	ielts 5.5	Kỹ thuật Xây dựng	
34	2111709	Lưu Tổ Lương	01/07/2003	XD21DD2	Khánh Hòa	2,50	Khá	7580201	DH	Toeic 705	Kỹ thuật Xây dựng	
35	2114043	Hoàng Nhật Minh	28/12/2003	XD21TD	Tp. Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7520503	DH	ielts 6.0	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
36	2110353	Huỳnh Đức Minh	06/10/2003	XD21DD1	Tp. Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7580201	DH	Toeic 855	Kỹ thuật Xây dựng	
37	2013940	Võ Hạnh Nguyên	07/04/2002	XD20CD1	Tp. Hồ Chí Minh	6,75	TB Khá	7580205	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
38	2111895	Đặng Thành Nhân	07/11/2003	XD21DD1	Bình Phước	2,90	Khá	7580201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Xây dựng	
39	2110414	Nguyễn Minh Nhân	12/12/2003	XD21DD2	Tp. Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7580201	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng	
40	2114365	Hoàng Bá Phát	12/08/2003	XD21DD1	Bạc Liêu	2,90	Khá	7580201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Xây dựng	
41	2014089	Nguyễn Tiến Phát	02/08/2002	XD20DD2	Tiền Giang	7,52	Khá	7580201	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Xây dựng	
42	2114383	Phan Tấn Phát	03/03/2003	XD21DD1	Tiền Giang	3,20	Giỏi	7580201	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Xây dựng	
43	2014107	Mai Quốc A Phi	25/01/2002	XD20KT	An Giang	6,82	TB Khá	7580101	DH	Toeic 620	Kiến trúc	
44	2014139	Nguyễn Đăng Phú	21/02/2002	XD20CB1	Đồng Nai	7,17	Khá	7580203	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển	
45	2011845	Lê Hoàng Phúc	16/03/2002	XD20VL	Tp. Hồ Chí Minh	6,47	TB Khá	7510105	DH	Toeic 705	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
46	2014172	Nguyễn Hoàng Phúc	26/11/2002	XD20CD1	Long An	6,74	TB Khá	7580205	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
47	2011911	Lê Trần Anh Quân	16/11/2002	XD20DD2	Sóc Trăng	7,04	Khá	7580201	DH	Toeic 770	Kỹ thuật Xây dựng	
48	2020072	Nguyễn Văn Quang	08/03/2090	XD20B2D1	Quảng Bình	7,70	Khá	7580201	B2	Toeic 545	Kỹ thuật Xây dựng	
49	2114588	Nguyễn Văn Quyết	07/11/2003	XD21CTN	Đắk Lắk	2,70	Khá	7580210	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
50	2114650	Nguyễn Nhật Sinh	26/02/2003	XD21DD2	Bình Định	3,40	Giỏi	7580201	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng	
51	2114816	Ngô Phi Thạch	10/05/2003	XD21DD3	Bình Định	2,40	Trung bình	7580201	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Xây dựng	
52	2014493	Lê Minh Thành	17/08/2001	XD20DD3	Đồng Nai	6,52	TB Khá	7580201	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Xây dựng	
53	2114794	Trần Nhật Thành	04/11/2003	XD21DD2	Thành Phố Cần Thơ	2,80	Khá	7580201	DH	Toeic 890	Kỹ thuật Xây dựng	
54	2114759	Ngô Vũ Thao	10/07/2003	XD21DD3	Bình Định	2,60	Khá	7580201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng	
55	2112343	Nguyễn Anh Thế	26/02/2003	XD21CD1	Đồng Tháp	2,50	Khá	7580205	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
56	2112361	Đặng Phước Thịnh	30/12/2003	XD21DD1	Tp. Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7580201	DH	Toeic 740	Kỹ thuật Xây dựng	
57	2014678	Nguyễn Ngọc Minh Thư	17/04/2002	XD20KT	Đồng Nai	7,78	Khá	7580101	DH	Toeic 645	Kiến trúc	
58	2112392	Phạm Nguyễn Nhật Thuận	27/10/2003	XD21DD3	Tiền Giang	2,80	Khá	7580201	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng	
59	2114969	Nguyễn Hữu Thương	09/04/2003	XD21KT	Hà Tây	3,40	Giỏi	7580101	DH	Toeic 685	Kiến trúc	
60	2014741	Hoàng Lâm Trung Tín	10/04/2002	XD20CTN	Tp. Hồ Chí Minh	6,55	TB Khá	7580210	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
61	2115007	Ngô Trung Tín	01/02/2003	XD21DD1	Tp. Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7580201	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Xây dựng	